TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST
Ngày 10 – 4 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Xương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hồng Thuỳ

Ông Dương Vĩnh Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST–HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 1x/1, ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Lee Cheng C, sinh năm: 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 2xx/xx/5F, đoạn x, lộ K, khóm 0xx, phường N, khu N, thành phố Đ, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 11 năm 2018, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kiều O trình bày:

Bà và ông Lee Cheng C quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân. Hai bên tổ chức đám cưới vào tháng 6/2018 và đã đăng ký kết hôn vào ngày 06/8/2018 tại Uỷ ban nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn thì ông C quay về Đài Loan sinh sống cho đến nay không quay lại Việt Nam lần nào. Từ sau khi kết hôn thì bà nhận thấy giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ngôn ngữ, tính tình không thể hoà hợp để sống chung được, hai vợ chồng cũng không ở cùng một nơi nên không thể hàn gắn khi có mâu thuẫn. Nay bà thấy rằng tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Lee Cheng C, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn.

Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung: Bà trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hoàn cảnh bà bận làm ăn xa nên yêu cầu giải quyết vắng mặt bà trong suốt quá trình tố tụng của toà.

Theo đơn xin giải quyết vắng mặt, giấy đồng ý ly hôn ngày 29/10/2018 và đơn ý kiến đã được hợp pháp hoá lãnh sự, bị đơn ông Lee Cheng C trình bày:

Ông biết được sự việc bà Nguyễn Thị Kiều O nộp đơn ra Toà yêu cầu giải quyết ly hôn với ông. Những nội dung mà bà O nêu trong đơn khởi kiện ông xác nhận là đúng sự thật và không có bổ sung gì khác. Đối với yêu cầu của bà O, ông đồng ý ly hôn với bà O; về con chung, nợ chung và tài sản chung: Không có. Do hiện tại ông đang ở Đài Loan, cách trở địa lý xa xôi và công việc bận rộn nên không thể tham gia vụ kiện được. Ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án bao gồm tất cả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên xét xử của Toà.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Lee Cheng C là ly hôn, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O đang ở Việt Nam, bị đơn ông Lee Cheng C hiện đang ở nước ngoài (Đài Loan) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Lee Cheng C sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06 tháng 8 năm 2018 nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Lee Cheng C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn thì ông C về Đài Loan cho đến nay không quay lại Việt Nam lần nào. Từ đó hai vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ngôn ngữ, tính tình không thể hoà hợp; hai người ở hai nơi khác nhau nên không thể vun đắp tình cảm cũng như không thể giải quyết tranh cãi khi có mâu thuẫn. Nay bà O nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông C. Theo lời trình bày của ông C thì ông cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà O. Xét thấy, cả hai bên đương sự đều xin Toà giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tham gia tố tụng, do đó Toà án cũng không thể hoà giải

đoàn tụ theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của bà O và ông C đã lâm vào tình trạng nghiêm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà O yêu cầu ly hôn với ông C là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà O và ông C đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có sự tranh chấp thì các bên có liên quan có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà Nguyễn Thị Kiều O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kiều O.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều O được ly hôn với ông Lee Cheng C.

Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Lee Cheng C thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì bên có liên quan có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kiều O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008187 ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Kiều O được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án; ông Lee Cheng C được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Bùi Thế Xương